TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 01 năm 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải
2. Bà Vũ Thị Ngân

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXX-ST ngày 14/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1996

Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn Kh, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có mặt, anh Kh vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Phạm Thị H có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H kết hôn với anh Ngô Văn Kh trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh

Thái Bình vào ngày 28/01/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng hòa thuận khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Kh ham chơi, không tu chí làm ăn, về còn đánh đập chị. Bản thân chị đã khuyên giải nhiều lần song anh Kh không sửa đổi. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Kh.

Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh Ngô Văn Kh có 01 con chung là Ngô Văn D, sinh ngày 07/5/2016 hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh Kh phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật để thể hiện trách nhiệm của anh Kh đối với con chung. Anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Hiện chị không có thai nghén gì. Lý do chị nhận nuôi con vì kể từ khi vợ chồng ly thân, con chung ở với chị, do một mình chị nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Kh không chu cấp gì. Chị có việc làm, thu nhập ổn định từ 05 đến 06 triệu đồng/tháng. Con chung đang được chị cho theo học tại trường mầm non xã A, ông bà ngoại phụ giúp chị trong việc đưa đón con đi học, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Điều kiện nơi ở, sinh hoạt của hai mẹ con chị tại nhà ông bà ngoại được đảm bảo.

Về tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Ngô Văn Kh vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản xác minh với anh Ngô Văn Q (là anh trai của anh Kh), địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, anh Quế trình bày: Việc kết hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Ngô Văn Kh như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như thế nào gia đình không nắm được. Khoảng tháng 9/2021 chị H đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ chị H ở xã A sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn, gia đình đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng, trường hợp hòa giải không thành thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Vợ chồng chị H, anh Kh có 01 con chung là Ngô Văn D, sinh năm 2016, hiện đang ở cùng chị H. Trường hợp ly hôn xảy ra đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết việc nuôi dưỡng con chung; Về tài sản chung, nợ chung: anh Quế không nắm rõ.

Hiện nay anh Kh vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã A. Anh Kh đi làm ăn tự do, địa chỉ cụ thể anh Kh không thông báo cho gia đình biết nhưng khi gia đình có công việc anh Kh vẫn về và vẫn liên lạc với gia đình. Anh đã nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho anh Kh và đã thông báo cho anh Kh biết song anh Kh không thể hiện quan điểm gì.

- Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng không những tự tước bỏ quyền, nghĩa vụ của mình mà còn thể hiện không có ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Phạm Thị H và anh Ngô Văn Kh là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh anh Ngô Văn Kh có địa chỉ cư trú tại xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Ngô Văn Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành tống đạt: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của hai bên để làm rõ tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị H, anh Kh được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 05 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi cự lẫn nhau. Chị H đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống và vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 09/2021 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được việc chị H xin ly hôn nhưng anh Kh không trực tiếp đến Tòa án trình bày quan điểm. Điều đó chứng tỏ anh Kh không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh Kh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị H được ly hôn anh Kh là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H, anh Kh có 01 con chung là Ngô Văn D, sinh ngày 07/5/2016. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Kh phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, anh Kh không thể hiện quan điểm. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị H là chính đáng. Hiện con chung đang ở với chị H, kết quả xác minh cho thấy điều kiện nuôi con của chị H về nơi ở, sinh hoạt, học tập của con chung đều được đảm bảo. Bản thân chị H có việc làm và thu nhập ổn định nên cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của chị H về việc buộc anh Kh phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là có căn cứ, mức yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Kh không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Kh phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Ngô Văn Kh.

2. *Về quan hệ con chung:* Xử giao chị Phạm Thị Hay trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Văn D, sinh ngày 07/5/2016. Anh Ngô Văn Kh có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng là 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)* kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Kh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra để giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai số 0004494 ngày 13/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Ngô Văn Kh phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Ngô Văn Kh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

***Nơi nhận**:*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;*
- *UBND xã A (nơi ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Phượng